

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2017

V/v ly hôn, nuôi con sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Kim Anh và bà Nguyễn Thị Như Trang

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:*** Bà Tần Thị Thìn - Kiểm sát viên

Ngày 25/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2017/TLST - HNGĐ ngày 11/8/2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Quang M**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/8/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn - chị Đặng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Quang M tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã B đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 01 năm 1990. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm. Đến năm 1991 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M thường xuyên đánh đập chị và có những lần đã đuổi chị ra khỏi nhà, nhưng vì nghĩ đến con cái nên chị cố gắng chịu đựng để chung sống cùng anh M. Nhưng đến đầu năm 2010, anh M vẫn tiếp tục đánh đập chị nên chị không chịu đựng được nữa và chị đã thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai

nữa. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh M không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có bốn con chung là Bùi Văn T1, sinh ngày 11/12/1990, Bùi Văn T2, sinh ngày 05/8/1993, Bùi Văn T3, sinh ngày 08/8/1996 và Bùi Văn M, sinh ngày 20/3/2006. Các con T1, T2 và T3 đã thành niên nên không phải giải quyết, con Bùi Văn M đến nay vẫn chưa đủ 18 tuổi và hiện nay đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của chị H sau khi ly hôn là muốn tiếp tục được trực tiếp nuôi con M và không đề nghị anh M phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Bùi Quang M nhiều lần nhưng anh M không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã về địa phương để xác minh và giao các văn bản tố tụng (Giấy triệu tập; thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp ...) cho anh M, anh M có nhận nhưng không ký tên vào biên bản giao nhận. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh M, anh M đồng ý khai nhưng cũng không ký tên vào biên bản lấy lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 8 năm 2017, anh Bùi Quang M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình vào tháng 12 năm 1989 âm lịch. Kể từ khi kết hôn với nhau đến nay đã được hơn 20 năm nhưng vợ chồng anh chỉ chung sống với nhau được khoảng 10 năm đầu. Cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H tự ý bỏ nhà đi nhiều lần. Đến khoảng năm 2010 chị H đã bỏ nhà đi không quay về nữa và hai vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn còn chị H muốn ly hôn là tùy chị và đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H có bốn con chung là Bùi Văn T1, sinh ngày 11/12/1990, Bùi Văn T2, sinh ngày 05/8/1993, Bùi Văn T3, sinh ngày 08/8/1996 và Bùi Văn M, sinh ngày 20/3/2006. Các con T1, T2, T3 đã thành niên, con Bùi Văn M còn nhỏ hiện nay đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn con M muốn ở với bố hay mẹ là tùy vào nguyên vọng của cháu.

Về quan hệ tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản gì chung, không có công nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản.

Tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 8 năm 2017, UBND xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình cung cấp như sau:

Anh Bùi Quang M và chị Đặng Thị H đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã B, hiện nay anh M, chị H vẫn cư trú và sinh sống tại địa phương. Anh M và chị H tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 01 năm 1990. Sau khi kết hôn

cuộc sống chung của vợ chồng anh chị ấy liên tục xảy ra mâu thuẫn, va chạm chính quyền địa phương cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng anh chị ấy vẫn thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát. Hiện nay được biết anh M, chị H không chung sống cùng nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh M, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của chị H.

Quá trình chung sống vợ chồng anh M và chị H có bốn con chung là Bùi Văn T1, sinh ngày 11/12/1990, Bùi Văn T2, sinh ngày 05/8/1993, Bùi Văn T3, sinh ngày 08/8/1996 và Bùi Văn M, sinh ngày 20/3/2006. Hiện nay xã biết được con M đang ở cùng chị H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung: Chính quyền địa phương không nắm rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 8 năm 2017 cháu Bùi Văn M trình bày: Hiện nay các cháu đang ở với mẹ H và cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ H để thuận lợi trong việc sinh hoạt và học tập nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – anh Bùi Quang M không thực hiện quyền của mình theo đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Bùi Quang M. Giao con chung là Bùi Văn M sinh ngày 20 tháng 3 năm 2006 cho chị Đặng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là chị Đặng Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Quang M và xin được nuôi con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của chị H là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Bùi Quang M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh M vẫn cư trú và sinh sống tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn - anh M nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do, như vậy anh M đã từ chối thực hiện quyền của mình. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ là về xác minh tại UBND B và tiến hành lấy lời khai của anh M. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Bùi Quang M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/01/1990, xác định là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng chị H và anh M thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến xô xát, đánh chửi nhau. Mâu thuẫn hiện nay đã trở nên trầm trọng không thể hòa giải được, năm 2010 chị H đã phải thuê nhà ra ở riêng và sống ly thân anh M từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh M là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng anh M và chị H có bốn con chung là Bùi Văn T1, sinh ngày 11/12/1990, Bùi Văn T2, sinh ngày 05/8/1993, Bùi Văn T3, sinh ngày 08/8/1996 và Bùi Văn M, sinh ngày 20/3/2006. Xét thấy ba con T1, T2 và T3 hiện nay đã trên 18 tuổi nên vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Con Bùi Văn M sinh ngày 20/3/2006 còn nhỏ hiện nay đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi con M và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Cháu Bùi Văn M cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng chị H, , anh M tôn trọng sự lựa chọn của con và không có ý kiến gì nếu con anh chọn ở với chị H. Xét thấy, hiện tại cháu Bùi Văn M đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, được học hành đầy đủ, cháu đang ngoan ngoãn và học giỏi nên cần giữ nguyên tình trạng không cần thay đổi tránh gây xáo trộn ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt và học tập của cháu M nên cần chấp nhận việc chị H xin nuôi con chung là Bùi Văn M và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy

định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về tài sản chung: Chị Đặng Thị H và anh Bùi Quang M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Bùi Quang M

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Văn M sinh ngày 20 tháng 3 năm 2006 cho chị Đặng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra để giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Anh Bùi Quang M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị Hiền đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000784 ngày 10/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Đặng Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 25 tháng 9 năm 2017. Anh Bùi Quang M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- UBND xã Bình Minh;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi